

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/8/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 90mm như: Mường Tè (Lai Châu) 106.4mm, Bắc Hà (Lào Cai) 91.4mm. + Phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 90mm như: Mường Tè (Lai Châu) 106.4mm, Bắc Hà (Lào Cai) 91.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 53%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 52%. + Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy lớn hơn so với TBNN cùng kỳ 12%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm theo xu thế lên do hồ Hòa Bình mở 02 cửa xả đáy, tổng lượng dòng chảy tuần qua thấp hơn 31% so với TBNN cùng kỳ.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến 60-120mm, có nơi trên 200mm. + Phổ biến 60-120mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước nhưng vẫn thấp hơn TBNN cùng kỳ 41%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ tăng so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 36%. + Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước và chịu ảnh hưởng điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy tuần tới cao hơn so với TBNN khoảng 53%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm như: Bắc Ninh 31.6mm, Hải Dương (Hải Phòng) 45.7mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên sông Cầu biến đổi chậm; trên thượng lưu sông Lục Nam đã xuất hiện lũ nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 60%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 33%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-200mm, có nơi trên 350mm
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức xấp xỉ so với TBNN; trên sông Lục Nam tại trạm Chũ ở mức thấp hơn 22% so với TBNN cùng kỳ.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm như: Hương Khê (Hà Tĩnh) 72.5mm, Đồng Hới (Quảng Trị) 55.1mm, Đông Hà (Quảng Trị) 94.6 mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 20%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 57%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 80%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 77%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 32%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã

tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 42%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 45%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 62%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 44%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi trên 80mm như An Khê (Gia Lai) 100.8mm, Cam Ranh (Khánh Hòa) 82.3mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 157%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 220%.

+ - Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 27%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 59%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 100%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 35% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 74% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông khả năng ít biến đổi và ở mức tương đương so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 141%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 198%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn so với TBNN thấp hơn 42% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 94%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-100mm, có nơi trên 120mm như: Kom Tum (Quảng Ngãi) 126.9mm, Trị An (Đồng Nai) 170.9mm, Tà Lài (Đồng Nai) 174.6mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trên hệ thống các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tuần trước, riêng hạ lưu sông Đăkbla và sông Krông Ana lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 68%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 41%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế tăng dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-250mm, có nơi trên 350mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trên hệ thống các sông phổ biến ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 69%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 10%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế tăng dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 10-20% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/08/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/8/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	78	<8	17.1	24	0.5	9.8	22.5	16.3	29.9	120.1	>55
	Sơn La	4.9	<92	3.2	4.1	0.5	13	23	20.2	25	89	>41
	Hòa Bình	0.7	<99	15	42.6	19.5	3.6	11.4	6.7	3.1	101.9	>18
	Lào Cai	74.7	<31	20.4	11	0.9	17	7.7	13.9	39.7	110.6	>45
	Yên Bái	58.4	<38	20	23.1	2.3	16.3	19.4	20.9	23.1	125.1	>35
	Tuyên Quang	0	<100	15.5	13	4.7	16.5	28.6	33	41	152.3	>123
	Hà Giang	382	>245	20.2	8.1	9.2	30.8	4.9	19.2	26.6	119	>34
	Láng	17.7	<77	24.4	31.7	8.8	13.5	8.3	24.3	6.8	117.8	>53
	Thái Bình	4.3	<94	20.4	34.6	42.4	8.8	13.5	43.4	11.6	174.7	>188
	Nam Định	26.4	<57	37.1	30.4	42	12.8	11.3	34.9	14.3	182.8	>168
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	2.6	<96	22.2	6.5	4.2	17.1	29.4	39.2	35.5	154.1	>161
	Thái Nguyên	29.8	<61	23	18.5	16.4	22	29.2	41.6	45.8	196.5	>110
	Bắc Ninh	31.6	<62	15.6	15.2	18.5	24.5	13.2	52.1	32.1	171.2	>122
	Lạng Sơn	6.1	<87	6.8	9.2	4	3.7	4.3	22.8	13.3	64.1	>7
	Bắc Giang	26.5	<66	10.2	11.1	12.2	9.7	11.7	43.8	26.9	125.6	>94
	Hải Dương	45.7	<38	17	26.3	27	21.6	9.1	34.1	31.9	167	>176
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	1.4	<98	18	19.9	15.4	5.5	7.1	5.3	6.4	77.6	<17
	Bái Thượng	0	<100	29.9	28.8	45.6	3.8	9	32.4	27.9	177.4	>79
	Thanh Hóa	35.6	<22	26.6	29.4	42.9	3.5	6.1	17.1	26.2	151.8	>99
	Quỳ Châu	6.7	<90	15.2	14.1	35.2	3.7	8.7	1.1	8.4	86.4	>1
	Cửa Rào	4.2	<90	12.7	7.7	33.6	7.8	11.7	7	10	90.5	>40
	Đô Lương	3.3	<92	13.3	25.9	46.6	5.2	6.6	3.5	1.1	102.2	>83

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	0	<100	7.9	31.1	49.2	6.5	1.4	1.6	2.3	100	>50
	Hương Sơn	33.7	<42	14.5	37.2	55.9	7	1.7	2.6	1.7	120.6	>57
	Hương Khê	72.5	<3	9.7	18.3	29.9	5.9	3.9	0.2	1.1	69	>20
	Hà Tĩnh	12.7	<78	9	35.1	37.6	9.7	0.6	1.3	1.5	94.8	>99
	Đồng Hới	55.1	>84	8.9	16.2	2.9	2.3	0.4	1.4	0.8	32.9	<9
	Quảng Trị	94.6	>327	9.5	19.8	10.1	3.4	1	0.5	1.2	45.5	>48
	Nam Đông	19.9	<58	8.1	4.7	3	3.2	2.5	4.7	2.9	29.1	<42
	Huế	46.8	>80	9.9	6.3	7.4	9.8	5.5	5.2	4.6	48.7	>57
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0	<100	1.5	15.9	2.9	3	3	0.8	0.5	27.6	<31
	Trà My	1.4	<97	7.4	10.3	17.7	18.5	5.9	19.6	4.8	84.2	>65
	Ba Tơ	27.7	<27	2.2	11.5	12.7	18.8	4.7	8.5	5.4	63.8	>47
	Quảng Ngãi	0	<100	3.4	11.1	28.3	4.1	2.4	13.5	1.4	64.2	>66
	Quy Nhơn	34.4	>28	3.5	26.3	14.4	6.3	4.8	1	6	62.3	>299
	An Khê	100.8	>147	3.2	25.2	12.7	5.3	4.6	0.5	4.5	56	>95
	Tuy Hòa	0	<100	1.5	23.7	10.2	2.7	3.9	2.7	2	46.7	>295
	Nha Trang	48.9	>334	3.4	19.8	21.4	13.4	9.1	10.5	16.7	94.3	>815
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	126.9	>38	1.3	19.7	30.7	6	3.6	5.2	6.2	72.7	>2
	Lắk	60	<37	9.3	9	10	3.2	9.1	7.8	13.4	61.8	<30
	Buôn Mê Thuật	34.5	<61	2.9	10.5	11.7	4.5	6.3	4.2	2.1	42.2	<25
	Biên Hòa	32.4	<42	14	30.7	17.4	1.1	6	10	9.3	88.5	>26
	Cần Thơ	28	<51	15.5	11.2	3.7	11.8	17.4	19.1	28.8	107.5	>174

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ 15 đến ngày 21 tháng 8 năm 2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/08 đến 14/8	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/08	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08	21/08	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Yên Bái	490	<53	74	90	70	62	59	74.0	82	511	<41
	Tuyên Quang	480	<52	69	86	112	86	82	78.0	69	583	<36
	Hồ Hòa Bình	2332	>12	467	475	432	414	410	408	406	3012	>53
	Hà Nội	2101	<31	342	352	372	383	393	403	408	2653	>6
Lưu vực sông Thái Bình	Gia Bảy	37.6	<60	19.7	31.1	17.6	10.5	7.78	5.5	4.51	96.7	<2
	Chũ	52	<33	3.89	14.3	21.1	14.3	8.48	6.5	5.12	73.6	<22
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Cẩm Thủy	450	< 20	86.3	89	97.9	91.7	88.1	86.3	83.7	623	~ TBNN
	Yên Thượng	223	< 57	43.6	44.9	49.4	46.3	44.5	43.6	42.2	315	< 42
	Hòa Duyệt	16.7	< 80	3.52	3.63	3.99	3.74	3.59	3.5	3.41	25.4	< 45
	Thượng Nhật	4.9	> 32	0.7	1	1.3	1.2	1	0.9	0.7	6.8	> 44
Lưu vực khu vực Nam Trung Bộ	Nông Sơn	128	> 157	19.4	20.7	21.6	19.9	17.3	16.8	15.6	131	> 141
	Sơn Giang	129	> 220	18.6	19.9	19.4	18.6	17.5	16.8	15.6	126	> 198
	Củng Sơn	76.2	<59	10.8	10.4	10.4	9.94	9.07	8.4	8.21	67.1	<42
	Đồng Trăng	41	>100	5.18	5.18	5.01	4.84	4.67	4.5	4.49	33.9	>94
Lưu vực sông Mê Công	KonTum	22.2	< 68	2.92	2.98	2.74	3.32	3.21	3.1	2.94	21.2	< 69
	Giang Sơn	36	< 41	7.24	7.3	7.48	7.6	7.34	7.2	6.91	51	< 10
	Tân Châu			1914	1942	1905	1877	1859	1840	1859	13196	>20
	Châu Đốc			386	383	380	378	379	374	373	2653	>10